

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 25/8/2026

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phúc Thư – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2026/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 113/2026/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: chị Phạm Hồng N, sinh năm 2000; CCCD: 086300006459. Địa chỉ: số A, tổ A, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Bị đơn: anh Phạm Minh P, sinh năm 2000; CCCD: 08600005802. Địa chỉ: số A, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2026, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Phạm Minh P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long ngày 12/10/2023. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không lo lắng cho gia đình vợ con, có qua lại với người phụ nữ khác bên ngoài, bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt và không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 01/2026, do áp lực nên đêm 18/5/2026 chị đã về nhà cha mẹ để ở ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi chị về nhà mẹ đẻ ở, anh P không tìm chị lần nào, vợ chồng sống ly thân từ

tháng 4/2024 không còn quan tâm đến nhau cả về vật chất và tình cảm, không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh P không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh P.

- Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 24/4/2024. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị không đồng ý để anh P nuôi con vì anh P không lo cho gia đình mà chỉ quan tâm đến Game. Chị làm nghề bán đồ ăn sáng cho học sinh ở gần nhà chị, thu nhập từ 5.500.000 đồng đến 6.500.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con. Chị đang ở cùng với cha mẹ đẻ, điều kiện về nơi ăn chỗ ở đảm bảo, cha mẹ đẻ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị nuôi con. Điều kiện nơi ăn ở và thu nhập của anh P không đảm bảo, không đủ điều kiện để nuôi con, do vậy chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác nhận không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/5/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Phạm Minh P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị N. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 18 tháng, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chủ yếu về kinh tế. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 02/2026 chị N đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở từ đêm 18/5/2026 và từ đó không về chung sống với anh nữa. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 12/2024 không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị N không còn, không thể hàn gắn được, anh đồng ý ly hôn chị N.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung Phạm Minh Q, sinh ngày 24/4/2024, con hiện đang ở với anh, anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Khi ly hôn anh yêu cầu Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng, anh tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý để chị N nuôi con vì chị N không làm tròn trách nhiệm của người mẹ đối với con.

Anh đang làm nghề cài Game, điều kiện kinh tế ổn định, môi trường sống phù hợp, có đủ khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng con, thu nhập từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng, anh đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Điều kiện về nơi ăn chỗ ở đảm bảo tốt cho cha con anh, cha mẹ anh khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho anh việc nuôi dưỡng con. Nếu Tòa án giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh P xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 113/2026/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long đã quyết định:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Hồng N và anh Phạm Minh P.

- Giao con chung tên Phạm Minh Q - sinh ngày 24/4/2024 cho chị Phạm Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện con chung do anh Phạm Minh P trực tiếp nuôi dưỡng). Anh Phạm Minh P1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Minh Q mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Phạm Hồng N và anh Phạm Minh P xác nhận không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 10/6/2026 bị đơn anh Phạm Minh P kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, giao con chung Phạm Minh Q, sinh năm 2024 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Phạm Minh P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được nuôi con Phạm Minh Q, sinh ngày 24/4/2024, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Hồng N không đồng ý kháng cáo của anh Phạm Minh P, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Minh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 113/2026/HNGĐ -ST ngày 28/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long.

Án phí phúc thẩm: buộc anh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của anh Phạm Minh P làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Minh P yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 24/4/2024, xét thấy :

Anh Phạm Minh P và chị Phạm Hồng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị đã thuận tình ly hôn. Tuy nhiên khi ly hôn chị N và anh P đều có nguyện vọng được nuôi con chung Phạm Minh Q, sinh ngày 24/4/2024, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không đồng ý nên đã kháng cáo yêu cầu được nuôi con. Xét thấy tính đến nay con chung Phạm Minh Q dưới 36 tháng tuổi, theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con ...”*. Xét anh P hiện nay không có nghề nghiệp ổn định, anh khai làm nghề cài game mỗi tháng thu nhập khoảng 3.000.000đ, cha mẹ anh không còn chung sống với nhau, mẹ anh P đi làm ăn sinh sống ở Vũng Tàu, ông bà ngoại của anh P cũng đã già yếu, không thể phụ giúp anh P trong việc trông nom, chăm sóc cháu Q. Đối với chị N hiện nay đang sinh sống với cha mẹ ruột tại xã A, cha mẹ chị N còn trẻ, khỏe có thể phụ giúp chị N trong việc trông nom, chăm sóc cháu Q. Chị N buôn bán có thu nhập ổn định, cháu Q đang còn nhỏ rất cần sự trông nom, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do có mâu thuẫn với gia đình chồng chị N về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 5/2026, nhưng khi chị ra đi do anh P không cho chị đem con theo chứ chị N không bỏ mặc con, nay chị tha thiết được nuôi con. Xét điều kiện nuôi con của chị N thuận lợi hơn anh P, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con nên giao cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng như án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[3] Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

[4] Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Minh P, giữ nguyên bản án hôn nhân sơ và gia đình sơ thẩm số: 113/2026/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên anh P phải chịu 300.000đ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Minh P;

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 113/2026/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Hồng N và anh Phạm Minh P.

2. Về nuôi con chung: buộc anh Phạm Minh P giao con chung tên Phạm Minh Q, sinh ngày 24/4/2024 cho chị Phạm Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Minh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Minh Q mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Hồng N và anh Phạm Minh P xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: chị Phạm Hồng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006292 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh V; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Phạm Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm: anh Phạm Minh P phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011568 ngày 12/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71,72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND khu vực 1 – VL;
- Phòng THADS khu vực 1- VL;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình